TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST
Ngày 12 - 5 - 2023
V/v: "*Kiện đòi tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thu Trang

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thanh Thuỷ

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST - DS ngày 20 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Ông Vũ Tuấn T - Sinh năm 1981

- Bà Trần Thị Thu H - Sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Số nhà A, phố P, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị Tuyết N - Sinh năm 1965

Nơi ĐKHKTT: Tổ B, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai

Nơi ở: Số nhà C, phố N, tổ D, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H thống nhất trình bày:

Do có mối quan hệ là đồng nghiệp nên ngày 06/4/2012 bà Đoàn Thị Tuyết N đã đến nhà hỏi vay tiền của ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H. Bà Đoàn Thị Tuyết N trình bày do gia đình bà N đang có việc gấp cần đến tiền để giải

quyết nên đề nghị ông T, bà H cho vay số tiền là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Hai bên có lập giấy vay tiền mặt ngày 06/4/2012 do bà Đoàn Thị Tuyết N tự tay viết và ký tên. Khoản tiền vay 400.000.000 đồng không tính lãi suất, bà N hẹn 01 tháng sau sẽ hoàn trả số tiền trên cho ông T và bà H. Đến ngày 10/4/2012 bà Đoàn Thị Tuyết N vay thêm của ông T, bà H số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, khoản vay này tự tay bà N viết cùng vào giấy vay tiền ngày 06/4/2012, số tiền vay 100.000.000 đồng này các bên cũng không tính lãi suất. Tổng số tiền bà Đoàn Thị Tuyết N vay của ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H ngày 06/4/2012 và ngày 10/4/2012 là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Hai bên thoả thuận cả hai khoản vay trên hẹn 01 tháng sau kể từ ngày 06/4/2012 bà Đoàn Thị Tuyết N sẽ trả đủ cho ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H tổng cộng số tiền đã vay là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Đến hạn trả nợ bà Đoàn Thị Tuyết N đã không đúng hẹn, ông T và bà H đã nhiều lần đòi nợ nhưng trong năm 2012 bà N chỉ trả được cho ông T và bà H tổng số tiền là 240.000.000 (Hai trăm bốn mươi triệu) đồng. Từ năm 2013 đến nay mặc dù ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H đã nhiều lần yêu cầu bà Đoàn Thị Tuyết N thanh toán số tiền còn lại là 260.000.000 đồng nhưng bà N không trả và cũng không hẹn ngày trả tiền cho ông T và bà H. Ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H đề nghị Toà án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết buộc bà Đoàn Thị Tuyết N phải trả cho ông T, bà H số tiền gốc còn lại là 260.000.000 đồng, ông T và bà H không yêu cầu bà N phải trả tiền lãi.

Đối với bị đơn bà Đoàn Thị Tuyết N:

Sau khi thụ lý vụ án, do bị đơn bà Đoàn Thị Tuyết N thường xuyên vắng nhà, thời gian đi lại không cố định nên Tòa án không tiến hành tống đạt trực tiếp được cho bà Đoàn Thị Tuyết N. Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu, chứng cứ thu thập được cho bà Đoàn Thị Tuyết N theo quy định. Ngày 17/02/2023 bà Đoàn Thị Tuyết N có văn bản gửi qua đường bưu điện cho Toà án nhân dân thành phố Lào Cai với nội dung bà Đoàn Thị Tuyết N được biết ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H kiện đòi bà N số tiền 240.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên bà N chưa có tiền để trả cho ông T, bà H. Bà N đề nghị được trả dần số tiền trên cho ông T, bà H. Sau khi có văn bản nêu ý kiến, bà Đoàn Thị Tuyết N không đến Toà án để tiếp cận công khai chứng cứ. Bà Đoàn Thị Tuyết N vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ, do đó Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đoàn Thị Tuyết N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của của nguyên đơn đúng quy định. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 463;

Điều 466; Điều 470; Điều 688 của Bộ luật Dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H.

Buộc bà Đoàn Thị Tuyết N phải trả cho ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H số tiền gốc còn nợ là 260.000.000 đồng theo Giấy vay tiền mặt đề ngày 06/4/2012 và ngày 10/4/2012.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Thị Tuyết N hoàn trả 260.000.000 đồng tiền gốc bà Đoàn Thị Tuyết N còn nợ theo Giấy vay tiền mặt đề ngày 06/4/2012 và ngày 10/4/2012. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đề nghị Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Kiện đòi tài sản".

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này"*. Xét thấy giao dịch vay tiền giữa ông Vũ Tuấn T, bà Trần Thị Thu H và bà Đoàn Thị Tuyết N được xác lập vào ngày 06/4/2012 và ngày 10/4/2012 có nội dung, hình thức phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông T, bà H không yêu cầu bà N phải trả tiền lãi, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Theo Giấy vay tiền mặt đề ngày 06/4/2012 và ngày 10/4/2012 và xác minh của Toà án nhân dân thành phố Lào Cai thì bị đơn bà Đoàn Thị Tuyết N đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 23 (tổ 15 cũ), phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai và hiện nay đang sinh sống tại số nhà 137, phố Nguyễn Khuyến, tổ 08, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Đoàn Thị Tuyết N vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Đoàn Thị Tuyết N hoàn trả 240.000.000 đồng tiền gốc còn nợ. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Giấy vay tiền mặt đề ngày 06/4/2012 và ngày 10/4/2012. Giấy vay tiền mặt đề ngày 06/4/2012 và ngày 10/4/2012 do bà Đoàn Thị Tuyết N viết tay và ký tên là phù hợp theo quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự. Theo Giấy vay tiền trên thì bà Đoàn Thị Tuyết N có vay của ông Vũ Tuấn T, bà Trần Thị Thu H số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 06/4/2012, vay số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 10/4/2012, cả hai khoản vay trên đều không tính lãi. Hai bên thoả thuận cả hai khoản vay trên hẹn 01 tháng kể từ ngày 06/4/2012 bà Đoàn Thị Tuyết N sẽ trả đủ cho ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H tổng cộng số tiền là 500.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xác nhận trong năm 2012 bà Đoàn Thị Tuyết N đã trả cho nguyên đơn số tiền 240.000.000 đồng. Còn lại số tiền 260.000.000 đồng chưa thanh toán. Đối với bị đơn bà Đoàn Thị Tuyết N, ngày 17/02/2023 bà Đoàn Thị Tuyết N có văn bản gửi qua đường bưu điện cho Toà án nhân dân thành phố Lào Cai với nội dung bà Đoàn Thị Tuyết N được biết ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H kiện đòi bà N số tiền 240.000.000 đồng, Toà án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng thông báo về việc thụ lý vụ án thể hiện rõ nội dung khởi kiện của nguyên đơn; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà Đoàn Thị Tuyết N không có ý kiến gì về việc ông Vũ Tuấn T, bà Trần Thị Thu H kiện đòi số tiền là 260.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên xác định giữa ông Vũ Tuấn T, bà Trần Thị Thu H và bà Đoàn Thị Tuyết N có xác lập giao dịch vay tiền, các bên tham gia giao dịch đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc thỏa thuận vay tiền và lập giấy vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc do đó Giấy vay tiền mặt đề ngày 06/4/2012 và ngày 10/4/2012 là hợp pháp. Ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H xác định bà Đoàn Thị Tuyết N đã trả cho ông bà số tiền là 240.000.000 đồng. Do đó bà Đoàn Thị Tuyết N còn nợ ông Vũ Tuấn T, bà Trần Thị Thu H số tiền 260.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng bà Đoàn Thị Tuyết N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà N đã trả cho ông T, bà H số tiền 240.000.000 đồng, còn lại số tiền 260.000.000 đồng chưa thanh toán theo thời hạn đã thoả thuận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn",* do đó nguyên đơn ông Vũ Tuấn T, bà Trần Thị Thu H khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị Tuyết N phải trả số tiền gốc còn nợ là 260.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về lãi: Nguyên đơn không yêu cầu bà Đoàn Thị Tuyết N phải thanh toán tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Đoàn Thị Tuyết N phải chịu 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 463; Điều 466; Điều 470; Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H.

1. Buộc bà Đoàn Thị Tuyết N phải trả cho ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) còn nợ theo Giấy vay tiền mặt đề ngày 06/4/2012 và ngày 10/4/2012.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị Tuyết N phải chịu 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Vũ Tuấn T và bà Trần Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.500.000 (Sáu triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00001972 ngày 16/12/2022 của Chi cục thi hánh án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thu Trang